

Bản án số: 166/2021/HS-ST
Ngày 02-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 126/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Vũ Hữu Tr, sinh năm 1972 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Số 90/C3 ấp Đức Long 3, xã Gi T 2, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Vũ Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị L, sinh năm 1932; bị cáo có 09 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất sinh năm 1976; có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (đã ly hôn), có 02 con ruột, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2019 đến ngày 01/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2021 cho đến nay; có mặt.

- ***Bị hại:*** Chị Mai Thị H, sinh năm 1974; thường trú: Thôn V H, xã Qu T, huyện C Ng, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Số 34/5 khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Anh Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1978; thường trú: Ấp Th Nh 2, xã Th Th Th, huyện Tr Đ, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Số 34/5 khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Chí Th, sinh năm 1983; thường trú: Số M, đường B, khu

phố B Đ 2, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Phước L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hữu Tr và chị Mai Thị H có quan hệ tình cảm với nhau, cả hai thuê phòng trọ tại địa chỉ số 50/60A khu phố B Đ 4, phường A B, thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và không có con chung từ năm 2009 cho đến tháng 8 năm 2018. Trong khoảng từ tháng 8 năm 2018, chị H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 của anh Huỳnh Văn Ú đưa cho chị H mượn làm phương tiện đi lại để về phòng trọ. Lúc này, Tr hỏi xe của ai thì chị H nói xe của đứa em con dì để lại cho đi. Do tin là xe của chị H nên Tr và chị H thường xuyên sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến khoảng tháng 9 năm 2018, chị H nói với Tr là về quê nhưng thật ra là chị H dọn ra sống chung với anh Huỳnh Văn Ú tại địa chỉ nhà trọ số 34/5 khu phố Nh Đ 2, phường D A, thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương. Tuy chị H sinh sống với anh Ú nhưng vẫn còn tình cảm với Tr nên thường xuyên về ở với Tr. Quá trình sống chung thì anh Ú giao xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 cùng giấy đăng ký xe cho chị H giữ để làm phương tiện đi lại.

Đến chiều ngày 19/03/2019, Vũ Hữu Tr và chị Mai Thị H cùng Trần Phước L là bạn bè gần phòng với Tr cùng uống rượu ở phòng trọ của Tr tại địa chỉ số 50/60A, khu phố B Đ 4, phường A B, thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương, trong lúc uống rượu chị H có đưa 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59M1-089.40 cho Tr cất giữ, Tr có nói cứ để ở bàn rồi Tr cất giữ cho chị H, sau đó chị H chạy xe về. Trong thời gian sống chung qua lại, thấy chị H có biểu hiện thất thường nên Tr nghi ngờ chị H có mối quan hệ tình cảm với người khác nên khoảng 17 giờ ngày 21/3/2019, trong lúc uống rượu Tr và chị H có cự cãi với nhau, đến khoảng 19 giờ ngày 21/3/2019, chị H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 chạy đến quán ốc ở khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương để nhậu với anh Huỳnh Văn Ú.

Sau khi chị H đi được khoảng 30 phút thì Tr rủ Trần Phước L đến phòng trọ số 34/5, khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương để tìm chị H, đến nơi Tr không gặp chị H nên cả hai đứng ở ngoài đợi, khoảng 15 phút sau anh Ú chở chị H đi trên xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 về đến phòng trọ. Nhìn thấy anh Ú chở chị H nên Tr bực tức xông vào dùng tay

tất vào mặt của anh Ú hai cái, trong lúc đánh anh Ú thì Tr nói với L “thằng này lấy vợ tao nè, đánh chết mẹ nó đi”, ngay lập tức L xông vào dùng tay, chân đánh anh Ú (anh Ú không bị thương tích gì). Sau đó, Tr kêu L lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 chở chị H về phòng trọ của Tr tại địa chỉ số 50/60A, khu phố B Đ 4, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Trung mang xe mô tô biển số 59M1-089.40 gửi tại bãi giữ xe ở trước dãy phòng trọ rồi cùng chị H về phòng nói chuyện.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, chị H nói đi ra ngoài mua sữa uống, (không lấy xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 để đi do bãi giữ xe đã đóng cửa) và để lại xe cho Tr mượn để sử dụng như những lần trước. Rồi chị H gọi điện cho anh Ú đến đón và cả hai ra thuê khách sạn ngủ với nhau.

Do bức tức chị H và không có tiền tiêu xài nên đến khoảng 09 giờ ngày 22/3/2019, Tr cùng L mang xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Do Tr mất chứng minh nhân dân không thể cầm cố xe được nên Tr lấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Ú, sinh năm 1988; thường trú: Ấp A N, xã Đ H H, huyện C B, tỉnh Tiền Giang mà trước đây vào đầu năm 2019, khi làm công trình xây dựng tại khu vực ngã tư G D, thành phố Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, anh Lê Văn Ú xin vào làm phụ hồ và đưa chứng minh nhân dân trên cho Tr để photo nộp cho chủ thầu, tuy nhiên khi đưa chứng minh nhân dân cho Tr thì anh Ú không đến công trình làm nữa nên Tr vẫn giữ chứng minh nhân dân của anh Ú và chưa gặp được anh Ú để trả. Tr đưa cho L chứng minh nhân dân tên Lê Văn Ú cùng giấy đăng ký xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 tên Lâm Yên L để L đứng ra cầm cố xe giúp Tr vì L giống với hình ảnh trong chứng minh nhân dân tên Lê Văn Ú nên L đồng ý.

Lúc này, Tr à L dẫn xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 đến tiệm cầm đồ “T H 2” thuộc khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương do anh Nguyễn Chí Th làm chủ tiệm. Tại đây, L đứng ra cầm xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 cho Tr, L đưa chứng minh nhân dân tên Lê Văn Ú cùng giấy đăng ký xe mô tô biển số 59M1-089.40 tên Lâm Yên L cho anh Th kiểm tra. Lúc này, anh Th có hỏi lại L nguồn gốc xe trên thì L nói “xe mua lại của người bạn, mẹ bệnh nên cầm để lấy tiền gửi về quê” đồng thời muốn cầm với giá 15.000.000 đồng thì anh Th nói xe trên cầm tối đa là 10.000.000 đồng thì anh L gật đồng ý.

Sau đó, anh Th viết giấy hợp đồng cầm đồ xe thời gian 01 tháng rồi L ký tên là Lê Văn Ú vào phần khách hàng cầm trong giấy hợp đồng cầm đồ anh Th đưa cho L số tiền 10.000.000 đồng. Lấy tiền xong, L đưa cho Tr toàn bộ số tiền, sau đó Tr cho Lộc 1.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng Tr tiêu xài hết. Cùng ngày, anh Huỳnh Văn Ú đến Công an phường D A tố giác hành vi của Tr. Sau khi

tiếp nhận tin báo, ngày 23/3/2019 Công an phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, mời Tr và L đến Công an phường D A, để làm việc.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A thu giữ xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 tại cửa tiệm cầm đồ “T H 2”. Công an phường D A lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ, xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59M1-089.40 (màu đỏ đen); 01 giấy đăng ký xe biển số 59M1-089.40 đứng tên chủ sở hữu Lâm Yên L.

Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số: 94/BB.ĐG ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 màu đỏ đen (số khung: Y-652918, số máy: F18E-5256186) trị giá là 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 94/BB.ĐG ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đối với hành vi của Trần Phước L mặc dù đi cầm xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 cùng Vũ Hữu Tr và được Tr cho 1.000.000 đồng. Tuy nhiên bản thân L trước đó được Tr cho biết đây là xe mô tô của vợ chồng Tr nên L nghĩ đây là xe của Tr rồi cùng tham gia mang đi cầm nên không có vai trò đồng phạm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Phước L.

Tại Cáo trạng số: 155/CT-VKS ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Vũ Hữu Tr về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vũ Hữu Tr về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Vũ Hữu Tr từ 07 đến 10 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Đối 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59M1-089.40 (màu đỏ đen) và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 59M1-089.40 đứng tên chủ sở hữu Lâm Yên L, đã thu hồi trả lại cho chị Mai Thị H, chị H đã trả lại xe và giấy đăng ký xe cho anh Huỳnh Văn Ú nên không đặt ra xem xét.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Chí Th yêu cầu bị cáo Vũ Hữu Tr bồi thường 10.000.000 đồng, là số tiền Trung cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40. Tại phiên tòa, bị cáo Tr đồng ý bồi thường cho

anh Thoan số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đồng thời lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng, biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Ngày 21/3/2019, bị hại Mai Thị H đến phòng trọ của Vũ Hữu Tr tại địa chỉ số 50/60A, khu phố B Đ 4, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương chơi và để lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 cùng giấy đăng ký xe cho Vũ Hữu Tr giữ. Tuy nhiên, ngày 22/3/2019 do không có tiền tiêu xài nên Tr mang xe mô tô đến tiệm cầm đồ “T H 2”, thuộc khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cầm cho anh Nguyễn Chí Th được 10.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản bị chiếm đoạt theo kết quả định giá có giá trị 15.000.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo sau khi nhận tài sản (xe mô tô) của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị 15.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 155/CT - VKS ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Vũ Hữu Tr về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi nhận tài sản của bị hại rồi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật

nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và người lao động Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59M1-089.40 (màu đỏ đen) và 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 59M1-089.40 đứng tên chủ sở hữu Lâm Yên L, đã thu hồi trả lại cho chị Mai Thị H, chị H đã trả lại xe và giấy đăng ký xe cho anh Huỳnh Văn Ú nên không đặt ra xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Chí Th yêu cầu bị cáo Vũ Hữu Tr bồi thường 10.000.000 đồng, là số tiền Trung cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40. Tại phiên tòa, bị cáo Trung đồng ý bồi thường cho anh Thoan số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

[11] Đối với hành vi của Trần Phước L mặc dù đi cầm xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 59M1-089.40 cùng Vũ Hữu Tr và được Tr cho 1.000.000 đồng. Tuy nhiên bản thân Lộc trước đó được Tr cho biết đây là xe mô tô của vợ chồng

Trên L nghĩ đây là xe của Trung rồi cùng tham gia mang đi cảm nên không có vai trò đồng phạm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Phước L, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Hữu Tr phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Hữu Tr 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/3/2019 đến ngày 01/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Buộc bị cáo Vũ Hữu Tr bồi thường cho anh Nguyễn Chí Th số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Hữu Tr phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA